

Bản án số: 910/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1973.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu Khương H, sinh năm 1958.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số đường A1, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn bà H và bị đơn ông H cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Bé H trình bày như sau: Bà và ông Lưu Khương H tự nguyện chung sống và đám cưới vào năm 1996 nhưng đến ngày 16/10/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống có 03 con chung tên là Lưu Thị Thúy V sinh ngày 15/01/1998, Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999 và Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015 do không hợp nhau, ông H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về gây gổ chửi mắng vợ con, không để yên cho bà buôn bán, kiếm tiền nuôi con nên tháng 4/2017 bà H có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Để giữ gìn cuộc sống hôn nhân, bà đã khuyên bảo ông H thay đổi cách sống, chăm lo cho gia đình nên ngày 15/6/2017 bà đã rút đơn khởi kiện. Nhưng cho đến nay ông H vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn được và cả hai đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay tình cảm của bà đối với ông H không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Về nuôi con chung: 02 con tên là Lưu Thị Thúy V sinh ngày 15/01/1998, Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999 đã thành niên. Bà yêu cầu được nuôi con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông H vắng mặt.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét:

Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà H ngày 24/7/2018 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Khương H. Về nuôi con chung: Hai con tên Lưu Thị Thúy V sinh ngày 15/01/1998, Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999 đã thành niên. Yêu cầu được nuôi con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn ông Lưu Khương H ngày 24/7/2018 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Bé H. Về nuôi con chung: Hai con tên Lưu Thị Thúy V sinh ngày 15/01/1998, Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999 đã thành niên. Đồng ý giao con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012 cho bà H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con tự

thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét đơn của nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bị đơn ông H là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang cư trú tại số đường A1, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn ông H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn bà H và bị đơn ông H cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2014, thì bà H và ông H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

[2.1.1] Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Trong thời gian chung sống tại đường A1, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh địa phương chưa phát hiện giữa ông H và bà H có xảy ra mâu thuẫn;

[2.1.2] Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông H ngày 24/7/2018 thì bị đơn ông H cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà H nên yêu cầu của nguyên đơn bà H được ly hôn với bị đơn ông H là phù hợp với qui định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

[2.2.1] Căn cứ các Giấy khai sinh tên Lưu Thị Thúy Vsinh ngày 15/01/1998, Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999, Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012 thì thể hiện bà H và ông H có 03 người con chung là phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà H;

[2.2.2] Căn cứ vào Điều 20 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Giấy khai sinh con tên Lưu Thị Thúy V sinh ngày 15/01/1998 và tên Lưu Thị Thanh V sinh ngày 12/6/1999 thì 02 con này đã thành niên, nguyên đơn bà H không yêu cầu nên không xét;

[2.2.3] Căn cứ đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông H ngày 24/7/2018 thì bị đơn ông H cũng đồng ý giao con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012 cho bà H nuôi nên yêu cầu nuôi con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012 của nguyên đơn bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà H và căn cứ đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông H ngày 24/7/2018 thì bị đơn ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn bà H và căn cứ đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông H ngày 24/7/2018 thì bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí : Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 20 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Bé H

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Bé H và ông Lưu Khương H.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con tên Lưu Tuấn A sinh ngày 04/9/2012 cho bà Trần Thị Bé H trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lưu Khương H được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giữ mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bé H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng do bà Trần Thị Bé H đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0020120 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bé H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Bé H và ông Lưu Khương H vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân Phường 1, Quận 3, Tp. HCM.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn